

Court of Washington, County of _____
Tòa Án Washington, Quận _____

Petitioner
Nguyễn Đơn

vs.
kiện

Respondent
Bị Đơn

DOB
Ngày Sinh

No.
Số

Order on Motion to Terminate
Extreme Risk Protection Order
*Lệnh Kiến Nghị Chấm Dứt Lệnh
Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ*

(ORDYMT, ORTXRPO)
(ORDYMT, ORTXRPO)

Clerk's action required
Việc lục sự cần làm

Order on Motion to Terminate Extreme Risk Protection Order
Lệnh Kiến Nghị Chấm Dứt Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ

1. Notice of this hearing was served on the Petitioner by ☐ personal service ☐ service by publication or by mail allowed by court order ☐ other: _____.
(RCW 7.105.505(1), RCW 4.28.080(16))

Thông báo phiên xét xử này đã được tổng đạt cho Nguyễn Đơn bằng cách [-] tổng đạt cá nhân [-] tổng đạt bằng cách công bố hoặc gửi thư được cho phép theo lệnh tòa [-] khác:
(RCW 7.105.505(1), RCW 4.28.080(16))

2. **Hearing:** The court held a hearing before issuing this full protection order. These people attended:

Phiên Xét Xử: Tòa án đã tiến hành phiên xét xử trước khi ban hành lệnh bảo vệ chính thức này. Những người này đã đến tham dự:

☐ Petitioner Nguyễn Đơn	☐ in person [-] trực tiếp	☐ by phone [-] qua điện thoại	☐ by video [-] qua video
☐ Petitioner's Lawyer Luật Sư của Nguyễn Đơn	☐ in person [-] trực tiếp	☐ by phone [-] qua điện thoại	☐ by video [-] qua video
☐ Respondent Bị Đơn	☐ in person [-] trực tiếp	☐ by phone [-] qua điện thoại	☐ by video [-] qua video
☐ Respondent's Lawyer	☐ in person	☐ by phone	☐ by video

Luật sư của Bị Đơn [-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video
☐ Other: _____ ☐ in person ☐ by phone ☐ by video
 Khác: [-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video

3. The Respondent's motion to terminate the *Extreme Risk Protection Order*, heard on (date): _____ is:

Kiến nghị chấm dứt Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ của Bị Đơn, được xét xử vào (ngày): _____ là:

☐ **Denied.** The court **does not find** by a preponderance of the evidence that the requirements for termination of an *Extreme Risk Protection Order* have been met. (RCW 7.105.505(1), (3)). (Explain):

Bị từ chối. Tòa án **không nhận thấy** dựa trên bằng chứng chiếm ưu thế hơn rằng các yêu cầu chấm dứt Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ đã được đáp ứng. (RCW 7.105.505(1), (3)). (Giải thích):

☐ **Granted.**
Được chấp nhận.

☐ After contested hearing or ☐ after uncontested hearing where Petitioner did not appear:

Sau phiên xét xử có tranh cãi hoặc [-] sau phiên xét xử không tranh cãi nơi Nguyên Đơn không hiện diện:

After consideration of the evidence the court **finds** by a preponderance of the evidence that the Respondent does not pose a significant danger of causing personal injury to self or others by having in his or her custody or control, purchasing, possessing, or receiving a firearm. (RCW 7.105.505(1)).

Sau khi xem xét bằng chứng, tòa án **nhận thấy** dựa trên bằng chứng chiếm ưu thế hơn rằng Bị Đơn không có nguy cơ đáng kể về việc gây thương tích cá nhân cho bản thân hoặc những người khác bằng cách có quyền quản lý hoặc kiểm soát, mua, sở hữu, tiếp cận, nhận hoặc cố mua hay nhận súng của họ. (RCW 7.105.505(1)).

☐ Uncontested: Petitioner appeared and agrees to terminate the *Extreme Risk Protection Order*. The court **terminates** the *Extreme Risk Protection Order* issued on date: _____.

Không tranh cãi: Nguyên Đơn đã hiện diện và đồng ý chấm dứt Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ. Tòa án **chấm dứt** Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ được ban hành vào ngày: _____.

4. ☐ **Federal and Washington State Computer-Based System Data Entry** (check if order terminated)

Nhập Dữ Liệu Hệ Thống Máy Tính Tiểu Bang Washington và Liên Bang (kiểm tra xem lệnh có được chấm dứt hay không)

The clerk of court shall forward a copy of this order immediately to the _____ County Sheriff's Office or _____ City/Town Police Department which shall **remove** the order from the available federal and state computer-based criminal intelligence information systems per RCW 7.105.350.

*Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp một bản sao lệnh này ngay lập tức cho Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng Quận hoặc Sở Cảnh Sát Thành Phố/Thị Trấn sẽ **xóa bỏ** lệnh ra khỏi các hệ thống máy tính về thông tin tình báo tội phạm hiện có của tiểu bang và liên bang theo RCW 7.105.350.*

5. ☐ **DOL Notification** (check if order terminated)

Thông Báo DOL (kiểm tra xem lệnh có được chấm dứt hay không)

The issuing court shall, within 3 judicial days after this order issued, forward a copy of the Respondent's driver's license or identicard, or comparable information along with the date of termination to DOL.

Tòa án ban hành phải, trong vòng 3 ngày xét xử sau khi lệnh này được ban hành, chuyển tiếp một bản sao giấy phép lái xe, thẻ nhận dạng hoặc thông tin tương đương của Bị Đơn cùng với ngày chấm dứt cho DOL.

6. **Service after motion denied or granted:**

Tổng đạt sau khi từ chối hoặc chấp nhận kiến nghị:

☐ The Petitioner appeared in person. Additional service is not required.

Nguyên Đơn đã hiện diện trực tiếp. Việc tổng đạt bổ sung không bắt buộc.

☐ The Petitioner did not appear in person.

Nguyên Đơn đã không hiện diện trực tiếp.

☐ The Respondent shall arrange for service of this order. Service may be done by law enforcement, a professional process server, or a person 18 or over who is not a party to this action. Petitioner may be served in person or electronically (via email, text, or other technological means). The person who serves the order must fill out and sign a *Proof of Service*, which the Respondent is responsible for filing with the court.

Bị Đơn sẽ sắp xếp việc tổng đạt lệnh này. Việc tổng đạt có thể được thực hiện bởi cơ quan thực thi pháp luật, người tổng đạt quy trình chuyên nghiệp hoặc người từ 18 tuổi trở lên không phải là một đương sự trong vụ kiện này. Nguyên Đơn có thể được tổng đạt trực tiếp hoặc điện tử (qua email, tin nhắn hoặc phương tiện công nghệ khác). Người tổng đạt lệnh phải điền vào và ký Bảng Chứng Tổng Đạt, mà Bị Đơn có trách nhiệm nộp cho tòa án.

☐ The court previously ordered service by publication or mail. Respondent shall serve this order on petitioner by ☐ publication ☐ mail.

Tòa án trước đây đã lệnh tổng đạt bằng cách công bố hoặc gửi thư. Bị Đơn phải tổng đạt lệnh này cho nguyên đơn bằng cách [-] công bố [-] gửi thư.

Respondent: Read more information about getting your weapons back.

Bị Đơn: Đọc thêm thông tin về việc lấy lại vũ khí của quý vị.

A law enforcement agency holding any firearm/s that you surrendered pursuant to chapter 7.105.340 RCW shall return them upon your request only after confirming that: *Cơ quan thực thi pháp luật nắm giữ bất kỳ (các) loại súng nào mà quý vị đã giao nộp theo chương 7.105.340 RCW sẽ chỉ trả lại súng theo yêu cầu của quý vị sau khi xác nhận rằng:*

- you are currently eligible to own or possess firearms under federal and state law, (through a background check); and *quý vị hiện hội đủ điều kiện có được hoặc sở hữu súng theo luật liên bang và tiểu bang, (thông qua việc kiểm tra lý lịch); và*
- the extreme risk protection order terminated or expired without renewal (after checking with the court). RCW 7.105.345(1). *lệnh bảo vệ rủi ro cực độ bị chấm dứt hoặc hết hạn mà không được gia hạn (sau khi kiểm tra với tòa án). RCW 7.105.345(1).*

Dated: _____

Đề ngày: _____

Judge/Court Commissioner

Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa Án

Print Judge/Court Commissioner Name

Viết In Tên Của Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa

Án



Signature of Respondent/Attorney
Chữ Ký của Bị Đơn/Luật Sư *WSBA Số.*

WSBA No. Print Name
Tên Viết In



Signature of Petitioner/Attorney WSBA No.
Chữ Ký của Nguyên Đơn/Luật Sư *WSBA Số.*

Print Name and Badge No., if applicable
Tên Viết In